

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HS-ST

Ngày 04/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Thanh Mai và ông Bùi Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố H;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:

Ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

*Họ và tên: **Tổng Thị Thu T**, sinh ngày 15/8/1998, tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tổng Ngọc H và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Ma W; chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/6/2022, tại xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Lê Thị Hải Y, sinh năm 1999; trú tại: thôn P, xã B, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; trú tại: thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Chị Tạ Thị L, sinh năm 1984; trú tại: thôn C, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** chị Tạ Thị H, sinh ngày 28/6/1986; trú tại: thôn C, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2017, Tống Thị Thu T quen biết và yêu anh Ma W (sinh ngày: 30/10/1998, quốc tịch: Trung Quốc, số hộ chiếu: E94700929) khi làm việc cùng nhau tại nhà máy Nhiệt điện K, thuộc xã L, thành phố H, sau đó anh Ma W phải về nước. Đến tháng 02/2021, T muốn được kết hôn với anh Ma W nên đã tự tìm hiểu thủ tục bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam. Qua tìm hiểu trên mạng Internet thì T được biết Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn quản lý D (sau đây viết tắt là Công ty D), có trụ sở tại tiểu khu đô thị V, phường V, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tư vấn thủ tục bảo lãnh cho người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam. Sau đó, T liên hệ với chị Lê Thị Hải Y (là nhân viên Công ty D) được biết muốn nhập cảnh vào Việt Nam thì người Trung Quốc phải có Doanh nghiệp Việt Nam bảo lãnh và có xác nhận kinh nghiệm hành nghề hoặc bằng Đại học, đồng thời chị Y gửi cho T 01 file các tập biểu mẫu qua mạng Internet để T in ra, nghiên cứu và làm thủ tục. T đã đặt cọc trước cho Công ty D chi phí tư vấn, chuẩn bị thủ tục là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Sau đó, T nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị T tìm giúp Công ty để bảo lãnh cho anh Ma W. Bà T liên hệ với bạn là chị Tạ Thị L, giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ khí và thương mại A 1 (sau đây viết tắt là công ty A 1), nhờ làm thủ tục bảo lãnh cho anh Ma W, nhưng chị L cho biết Công ty A 1 hiện không hoạt động nên không làm được. Bà T nhờ chị L thông qua Công ty A 2, do em gái chị L là chị Tạ Thị H làm Giám đốc, để làm thủ tục bảo lãnh giúp, thì chị L đồng ý. Đến tháng 07/2021, chị L gửi cho T ảnh chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty A 2 có dấu tròn đỏ của Công ty, dấu chức danh Giám đốc Tạ Thị H và Căn cước công dân của chị Tạ Thị H để T lấy thông tin làm thủ tục gửi cho Công ty D. Khoảng 02 ngày sau, T đưa 01 bộ hồ sơ của Công ty A 2 bảo lãnh cho anh Ma W cho chị L, chị L đưa cho chị H ký rồi đưa lại cho T, nhưng những tài liệu này chưa được đóng dấu, vì con dấu của Công ty để ở thành phố Hà Nội. Khi ký tài liệu, chị H tin tưởng chị L nên không đọc nội dung, sau đó chị H hỏi lại chị L thì được biết là tài liệu đề nghị bảo lãnh cho anh Ma W nên chị H không đồng ý và yêu cầu hủy các tài liệu đã ký. Ngay sau đó, chị L đã liên lạc với T yêu cầu hủy toàn bộ tài liệu chị H ký trước đó và T đã tự tiêu hủy các tài liệu của chị H đã ký mà chị L đưa cho. Đến giữa tháng 07/2021, T liên hệ với một đối tượng trên mạng xã hội Zalo (T không biết lý lịch) đặt làm giả con dấu tròn của Công ty A 2 và dấu chức danh Giám đốc Tạ Thị H với giá 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, T gửi ảnh chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty A 2 và Căn cước công dân của chị H cho đối tượng làm giả con dấu chức danh và dấu tròn của Công ty A 2. Khoảng 02-03 ngày sau, nhân viên giao hàng giao cho T 01 gói hàng bên trong có 02 con dấu giả, T đã đến cửa hàng văn phòng phẩm ở phường B tự in ra 15 tài liệu cần cho thủ tục bảo lãnh, rồi tự ký chữ “H” và tự đóng dấu tròn và dấu chức danh giám đốc giả của công ty A 2 lên 15 tài liệu trên, gồm:

01 Công văn số: 68/2021/CVNC ngày 27/10/2021, “V/v: Đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”;

02 Bản thống kê người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam;

01 Công văn số: 01/2021/VL-HA ngày 06/10/2021, “V/v giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài”;

01 Giấy giới thiệu số 01/2021-GGT ngày 05/10/2021; 01 Công văn số 01/2021/VL-HA (không có ngày) “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”;

01 Công văn số 68/2021/CVNC (không có ngày), “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”;

01 Công văn (không số, không có ngày), đề năm 2021 kính gửi Cục quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, “V/v: giới thiệu con dấu, chữ ký”;

01 Công văn số 01/2021/NA2-HA (không có ngày) kính gửi Cục quản lý Xuất nhập cảnh (Bộ Công an), “V/v: nhập cảnh của khách nước ngoài”;

01 Phương án cách ly và quản lý người nước ngoài nhập cảnh;

01 Công văn số 68/2021/ĐNNC (không có ngày), “V/v Đề nghị nhập cảnh và cách ly phòng chống dịch COVID-19 cho lao động kỹ thuật vào làm việc tại Công ty”;

01 Công văn (không số, không có ngày), “V/v cam kết trả chi phí cho người nước ngoài được nhập cảnh vào làm việc tại công ty”;

01 Công văn số 68/2021/BCK ngày 06/8/2021, “V/v cam kết trả chi phí cho lao động kỹ thuật được nhập cảnh vào làm việc tại công ty”;

01 Công văn số: 01/2021/VL-HA (không có ngày) đề năm 2021, trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài”;

02 Giấy giới thiệu (không số, không có ngày).

Sau đó, T lập thành 02 bộ hồ sơ, trong đó: 01 bộ hồ sơ có 04 tài liệu, gồm: 01 Công văn số: 68/2021/CVNC ngày 27/10/2021, “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”; 01 Bản thống kê người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam; 01 Công văn số: 01/2021/VL-HA ngày 06/10/2021, “V/v giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài”; 01 Giấy giới thiệu số 01/2021-GGT ngày 05/10/2021; 01 bộ hồ sơ có 11 tài liệu, gồm: 01 Bản thống kê người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam; 01 Công văn số 01/2021/VL-HA (không có ngày) “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh; 01 Công văn số 68/2021/CVNC (không có ngày), “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”; 01 Công văn (không số, không có ngày), đề năm 2021 kính gửi Cục quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an, “V/v: giới thiệu con dấu, chữ ký”; 01 Công văn số 01/2021/NA2-HA (không có ngày) kính gửi Cục quản lý Xuất nhập cảnh (Bộ Công an), “V/v: nhập cảnh của khách nước ngoài”; 01 Phương án cách ly và quản lý người nước ngoài nhập cảnh; 01 Công văn số 68/2021/ĐNNC (không có ngày), “V/v Đề nghị nhập cảnh và cách ly phòng chống dịch COVID-19 cho lao động kỹ thuật vào làm việc tại Công ty; 01 Công văn (không số, không có ngày), v/v cam kết trả chi phí cho người nước ngoài được nhập cảnh vào làm việc tại công ty; 01 Công văn số 68/2021/BCK ngày 06/8/2021, “V/v cam kết trả chi phí cho lao động kỹ thuật được

nhập cảnh vào làm việc tại công ty; 02 Giấy giới thiệu (không số, không có ngày). Đến ngày 07/10/2021, T nộp 01 bộ hồ sơ gồm 04 tài liệu nêu trên đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh và gửi bộ hồ sơ gồm 11 tài liệu nêu trên đến Công ty D để làm thủ tục cho Công ty A 2 bảo lãnh anh Ma W nhập cảnh vào Việt Nam theo diện chuyên gia. Ngày 12/10/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chấp thuận sử dụng lao động người nước ngoài vào Việt Nam, đã gửi toàn bộ tài liệu của T đến Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ninh để đề nghị kiểm tra, rà soát. Ngày 08/11/2021, Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ninh có Công văn số 1139/SNGV LS-HTQT gửi Công an tỉnh Quảng Ninh đề rà soát hồ sơ các chuyên gia người nước ngoài cần thiết nhập cảnh vào làm việc tại tỉnh Quảng Ninh. Qua rà soát, Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Ninh phát hiện hồ sơ của Công ty A 2 bảo lãnh cho anh Ma W có dấu hiệu làm giả, nên đã ra Quyết định trưng cầu giám định mẫu chữ ký “H”, hình dấu chức danh “GIÁM ĐỐC Tạ Thị H” và hình dấu tròn đỏ “CÔNG TY TNHH 1TV CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI A 2” trong các tài liệu, hồ sơ bảo lãnh anh Ma W tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh, so sánh với mẫu chữ ký của chị Tạ Thị H, dấu chức danh của chị H và hình con dấu tròn của Công ty A 2.

Tại Bản kết luận giám định số 35 ngày 23/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chữ viết “H” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A04 so với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M04 không phải do cùng một người viết ra; hình dấu “Công ty TNHH 1TV cơ khí và thương mại A 2” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A04 so với hình dấu cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M05 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Trên cơ sở kết quả giám định Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Ninh đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để xác minh làm rõ.

Ngày 18/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với chị Lê Thị Hải Y, Bùi Thị Phương Thảo và Công ty D thu giữ 02 bộ hồ sơ có 11 tài liệu, gồm: 01 Bản thống kê người nước ngoài có nhu cầu nhập cảnh vào Việt Nam; 01 Công văn số 01/2021/VL-HA (không có ngày) “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”; 01 Công văn số 68/2021/CVNC (không có ngày), “V/v: đề nghị hỗ trợ LĐNN được nhập cảnh làm việc tại tỉnh Quảng Ninh”; 01 Công văn (không số, không có ngày), đề năm 2021 kính gửi Cục quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, “V/v: giới thiệu con dấu, chữ ký”; 01 Công văn số 01/2021/NA2-HA (không có ngày) kính gửi Cục quản lý Xuất nhập cảnh (Bộ Công an), “V/v: nhập cảnh của khách nước ngoài”; 01 Phương án cách ly và quản lý người nước ngoài nhập cảnh; 01 Công văn số 68/2021/ĐNNC (không có ngày), “V/v Đề nghị nhập cảnh và cách ly phòng chống dịch COVID-19 cho lao động kỹ thuật vào làm việc tại Công ty; 01 Công văn (không số, không có ngày), V/v cam kết trả chi phí cho người nước ngoài được nhập cảnh vào làm việc tại công ty; 01 Công văn số 68/2021/BCK ngày 06/8/2021, “V/v cam kết trả chi phí cho lao động kỹ thuật được nhập cảnh vào làm việc tại công ty; 02 Giấy giới thiệu (không số, không có ngày). Trước đó ngày 30/11/2021, Công ty

D đã chuyển trả lại số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho Tổng Thị Thu T với nội dung “Hoãn cọc”.

Ngày 08/3/2022, Tổng Thị Thu T giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H: 01 con dấu loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ, phần dưới trong suốt, kích thước khoảng (11x5,5x5,5)cm, trên mặt dấu có dán hình tròn chữ màu đỏ mang tên “CÔNG TY TNHH 1TV CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI A 2”, phần vòng tròn bên ngoài in chữ “* M.S.D.N: 5702077235 - C.T.T.N.H.H TP.H – T. QUẢNG NINH *”, phần khắc dấu đóng ra có 01 hình tròn dập nổi các chữ “CÔNG TY TNHH 1TV CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI A 2”, phần vòng tròn bên ngoài in chữ “* M.S.D.N: 5702077235 - C.T.T.N.H.H TP.H — T. QUẢNG NINH*”; 01 con dấu chức danh loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ có in chữ SHINY Printer S-843, phần dưới trong suốt, kích thước khoảng (7,5x3,5x6)cm, trên mặt dấu in chữ màu đỏ “GIÁM ĐỐC Tạ Thị H”, phần khắc dấu đóng ra có dập nổi các chữ “GIÁM ĐỐC Tạ Thị H”.

Tại Bản kết luận giám định số 794 ngày 19/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chữ viết “H” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A11 so với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M04 không phải do cùng một người viết ra; hình dấu “Công ty TNHH 1TV cơ khí và thương mại A 2” trong các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A01 đến A11 so với hình dấu cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01, M12, M05 không phải do cùng một con dấu đóng ra; con dấu cần giám định ký hiệu A12 không phải là con dấu đóng ra hình dấu “Công ty TNHH 1TV cơ khí và thương mại A 2” trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01, M12, M05; Con dấu cần giám định ký hiệu A13 không phải là con dấu đóng ra hình dấu “Giám đốc Tạ Thị H” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01.

Quá trình điều tra, bị can Tổng Thị Thu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, ngoài ra còn khai: hành vi làm giả và sử dụng con dấu, tài liệu giả của Công ty A 2 do T một mình thực hiện, không nói cho anh Ma W, bà T hay người khác biết, T không bị ai xúi giục. Nội dung T liên lạc với đối tượng làm giả 02 con dấu qua mạng xã hội Zalo, T đã xóa toàn bộ tin nhắn, không còn nhớ chính xác ngày liên lạc làm giả và nhận 02 con dấu giả.

Vật chứng của vụ án, gồm: 15 giấy tờ giả các loại được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án; 02 con dấu Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 104/CT- VKSHL ngày 03 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Tổng Thị Thu T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Tổng Thị Thu T từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao Tổng Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dấu loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ, phần dưới trong suốt. kích thước khoảng (11x5,5x5,5)cm, trên mặt dấu có dán hình tròn chữ màu đỏ mang tên “Công ty TNHH 1 TV Cơ khí và thương mại A 2” và 01 (một) con dấu, loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ in chữ SHINY printer S-843, phần dưới trong suốt, kích thước khoảng (7,5x3,5x6)cm, trên mặt dấu in chữ màu đỏ “GIÁM ĐỐC Tạ Thị H”.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội; về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận thực hiện hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” như nội dung vụ án nêu trên; thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, các Kết luận giám định; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận:

Năm 2017, Tổng Thị Thu T và anh Ma W (sinh năm 1998, quốc tịch: Trung Quốc, số hộ chiếu: E94700929, địa chỉ: tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc) cùng làm việc tại nhà máy Nhiệt điện K, thuộc xã L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nên quen biết và yêu nhau, sau đó anh Ma W phải về Trung Quốc. Vì muốn làm thủ tục bảo lãnh cho anh Ma W nhập cảnh vào Việt Nam để kết hôn, T đã tìm hiểu trên mạng Internet thì được biết Công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn quản lý D (gọi tắt là Công ty D), có trụ sở tại: Tiểu khu đô thị V, phường V, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tư vấn thủ tục bảo lãnh cho người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam. Khoảng giữa tháng 07/2021, tại nhà riêng của mình, thuộc thôn Đ, xã S, thành phố H, Tổng Thị Thu T đã sử dụng mạng xã hội Zalo cung cấp thông tin tên, ảnh chụp hình dấu của Công ty A 2 để đặt làm giả 01 con dấu tròn và 01 con dấu chức danh giám đốc của Công ty A 2. Sau đó T ký giả chữ ký của chị Tạ Thị H Giám đốc Công ty vào 15 tài liệu rồi đóng dấu giả, gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh và Công ty D để làm thủ tục bảo lãnh cho anh Ma W nhập cảnh vào Việt Nam thì bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Ninh phát hiện.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu và trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh.

Do đó, Hành vi nêu trên của bị cáo Tổng Thị Thu T đã phạm vào tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã nêu và viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm...”

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên”.

Bị cáo Tổng Thị Thu T nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn chặn tội phạm. Tuy nhiên, xét động cơ, mục đích bị cáo phạm tội nhằm để kết hôn, nên cũng cần xem xét khi

quyết định hình phạt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo là phụ nữ có thai, có ông ngoại là người có công với cách mạng, nên cần áp dụng các điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Xét bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân nên thấy cần xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục bị cáo, đồng thời đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) con dấu loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ, phần dưới trong suốt. kích thước khoảng (11x5,5x5,5)cm, trên mặt dấu có dán hình tròn chữ màu đỏ mang tên “Công ty TNHH 1 TV Cơ khí và thương mại A 2” và 01 (một) con dấu, loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ in chữ SHINY printer S-843, phần dưới trong suốt, kích thước khoảng (7,5x3,5x6)cm, trên mặt dấu in chữ màu đỏ “Giám đốc Tạ Thị H”, bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan trong vụ án: bị cáo khai có đối tượng làm giả 02 con dấu do bị cáo liên hệ thông qua mạng xã hội Zano. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa xác minh được lý lịch của đối tượng, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau, nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Tổng Thị Thu T phạm tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ”

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: bị cáo Tổng Thị Thu T 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 60 (sáu mươi tháng) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao Tổng Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự; hủy bỏ “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” số 81A/2022/HSST- LCCT ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H đối với Tổng Thị Thu T.

4 Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu hủy: 01 con dấu loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ, phần dưới trong suốt, kích thước khoảng (11x5,5x5,5)cm, trên mặt dấu có dán hình tròn chữ màu đỏ mang tên “Công ty TNHH 1 TV Cơ khí và thương mại A 2” và 01 con dấu, loại dấu 02 tầng, hình trụ chữ nhật, làm bằng nhựa, phần trên màu đỏ in chữ SHINY printer S-843, phần dưới trong suốt, kích thước khoảng (7,5x3,5x6)cm, trên mặt dấu in chữ màu đỏ “GIÁM ĐỐC Tạ Thị H”(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 169 ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1,4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Cơ quan điều tra CA tp H;
- Cơ quan THAHS TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- VKSND TP H;
- Trại tạm giam CAQN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng